

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2TS** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02142** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Luật Lao động**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1		Hệ số 2		ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801012822	Nguyễn Phạm Tâm	18/08/1988		8	8.0		8.8		8.5
2	2253801012823	Thạch Văn Thành	05/04/1991		7.5	8.5		9.2		8.8
3	2253801012824	Võ Thị Mai Thảo	05/10/2000		6.5	7.5		7.3		7.2
4	2253801012825	Huỳnh Trí Thiện	10/07/1990		5	7.0		6.8		6.6
5	2253801012826	Phan Ngọc Thiện	26/08/2006		0	0.0		0.0	0.0	0.0
6	2253801012827	Phạm Kiều Tiên	19/07/2005		0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2253801012828	Đoàn Trung Tính	25/01/2003		8	8.0		10.0		9.2
8	2253801012829	Lê Thị Huỳnh Trân	12/05/2006		6.5	7.5		8.5		8.0
9	2253801012830	Định Thị Tuyết Vân	05/02/1993		6.5	8.0		7.4		7.4
10	2253801012831	Đặng Thị Kim Xuyên	12/12/1996		0	0.0		0.0	0.0	0.0
11	2253801013364	Khuru Thị Thúy Anh	08/11/1984		0	0.0		0.0	0.0	0.0
12	2253801013365	Lê Hoàng Anh	24/02/1989		7.5	7.0		6.8		6.9
13	2253801013366	Nguyễn Thị Chúc	24/05/1988		7.5	7.0		8.0		7.7
14	2253801013367	Trần Văn Đễ	22/02/1969		7	7.0		7.5		7.3
15	2253801013368	Hứa Thị Đình	01/06/1990		0	0.0		0.0	0.0	0.0
16	2253801013369	Lê Văn Hậu	26/05/1988		0	0.0		0.0	0.0	0.0
17	2253801013370	Lâm Thị Thanh Hiếu	11/03/1990		9.5	9.5		10.0		9.8
18	2253801013371	Lý Thị Thúy Ngân	20/01/2006		0	0.0		0.0	0.0	0.0
19	2253801013372	Huỳnh Thị Có Ngọc	27/01/2006		0	0.0		0.0	0.0	0.0
20	2253801013373	Huê Hồng Phú	20/11/1976		6	5.0		8.3		7.1
21	2253801013374	Phạm Văn Thuận	01/01/1992		0	0.0		0.0	0.0	0.0
22	2253801013375	Trần Thanh Tiêng	26/03/1974		6	7.5		7.4		7.2
23	2253801013376	Nguyễn Tường Vy	21/08/2006		0	0.0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 30 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Hoàng Nhu